

Phụ lục III

THỐNG KÊ HUY ĐỘNG

(Kèm theo Công văn số 285/BC-UBND ngày 04/8/2025 của UBND xã Sì Lở Lầu)

1. Số liệu tính đến 31/12/2024

STT	Xã, Phường	DÂN SỐ TRONG ĐỘ TUỔI (phải huy động)						SỐ TRẺ HUY ĐỘNG								Trẻ 5 tuổi hoàn thành CTGDMN	
		Tổng số	0-2 tuổi	3 đến 5 tuổi				Tổng số	0-2 tuổi	Tỷ lệ (%)	MẪU GIÁO (3-5 TUỔI)						
				TS	3 TUỔI	4 TUỔI	5 TUỔI				TS	Tỷ lệ	3 TUỔI	4 TUỔI	5 TUỔI	TS	Tỷ lệ (%)
	Xã Sĩ Lữ Lầu	1749	689	1060	310	361	389	156	132	19,2	1058	99,8	308	361	389	389	100
DÂN SỐ KHUYẾT TẬT					KHUYẾT TẬT RA LỚP												
TỔNG SỐ	0-2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	TỔNG SỐ	Tỷ lệ	0-2 tuổi	Tỷ lệ	3 tuổi	Tỷ lệ	4 tuổi	Tỷ lệ	5 tuổi	Tỷ lệ			
2	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			

2. Số liệu tính đến 31/5/2025

STT	Xã, Phường	DÂN SỐ TRONG ĐỘ TUỔI (phải huy động)						SỐ TRẺ HUY ĐỘNG								Trẻ 5 tuổi hoàn thành CTGDMN	
		Tổng số	0-2 tuổi	3 đến 5 tuổi				Tổng số	0-2 tuổi	Tỷ lệ (%)	MẪU GIÁO (3-5 TUỔI)						
				TS	3 TUỔI	4 TUỔI	5 TUỔI				TS	Tỷ lệ	3 TUỔI	4 TUỔI	5 TUỔI	TS	Tỷ lệ (%)
	Xã Si Lở Lầu	1749	689	1060	310	361	389	156	132	19,2	1058	99,8	308	361	389	389	100
DÂN SỐ KHUYẾT TẬT					KHUYẾT TẬT RA LỚP												
TỔNG SỐ	0-2 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	TỔNG SỐ	Tỷ lệ	0-2 tuổi	Tỷ lệ	3 tuổi	Tỷ lệ	4 tuổi	Tỷ lệ	5 tuổi	Tỷ lệ			
3	0	1	1	1	1	33,3	0	0	0	0	0	0	1	100			